

ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ ỚT CAY A RIÊU TẠI XÃ MÀ COOIH, HUYỆN ĐÔNG GIANG, TỈNH QUẢNG NAM

Nguyễn Văn Đức*, Trần Cao Úy, Đinh Chí Thanh, Dương Văn Hậu,
Châu Võ Trung Thông, Phạm Thị Kim Liên
Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế

Liên hệ email: nguyenvanduc@huaf.edu.vn

TÓM TẮT

Nghiên cứu này phân tích, đánh giá thực trạng sản xuất và tiêu thụ ớt A riêu tại xã miền núi Mã Cooih của huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam. Nghiên cứu đã phỏng vấn 50 hộ và 2 chuyên gia am hiểu của địa phương về những thuận lợi và khó khăn trong sản xuất và tiêu thụ ớt A riêu, và thu thập các số liệu tài liệu thứ cấp liên quan đến sản xuất và tiêu thụ ớt. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng diện tích trồng ớt trung bình mỗi hộ rất thấp, khoảng 0,0825 ha/hộ. Năm 2017 giá bán ớt A riêu từ 180.000 – 200.000 đồng/kg, năng suất thu hoạch khoảng 1.560 kg/ha, vì thế mỗi hộ thu về gần 28,23 triệu đồng. Chi phí đầu vào chủ yếu là hạt giống (khoảng 180.000đ/sào, tương đương 3,6 triệu đồng/ha) và công lao động (làm đất, chăm sóc và thu hoạch). Trong quá trình canh tác, người dân không sử dụng phân bón và thuốc bảo vệ thực vật. Sau khi thu hoạch thì 77,8% sản lượng bán cho Hợp tác xã Nông lâm nghiệp Mã Cooih, phần còn lại bán cho người thu mua (12,5%) và người bán lẻ (4,3%). Sản xuất ớt A riêu gặp phải các vấn đề khó khăn, như: côn trùng, bệnh hại, sản xuất phân tán, quy mô nhỏ và nguồn cung trên thị trường không ổn định. Vì vậy, cần thiết phải phát triển quy mô sản xuất ớt A riêu hợp lý, xúc tiến thương mại nhiều sản phẩm và phát triển thị trường tiêu thụ ổn định.

Từ khóa: A Riêu, Mã Cooih, sản xuất ớt A riêu, tiêu thụ, Thực trạng sản xuất

Nhận bài: 18/04/2018 *Hoàn thành phản biện:* 20/05/2018

Chấp nhận bài: 30/05/2018

1. MỞ ĐẦU

Ớt (*Capsicum annuum* L.) là một trong những loại cây trồng được trồng phổ biến có nguồn gốc nhiệt đới và cận nhiệt đới (Vincent và cs., 1986). Nghiên cứu của tác giả Nguyễn Thị Nguyệt (2016) đã đánh giá được thực trạng và phân tích các yếu tố trong liên kết trong sản xuất và tiêu thụ ớt ở tỉnh Thanh Hóa. Nghiên cứu đã góp phần hệ thống hóa cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn về liên kết trong sản xuất và tiêu thụ ớt (Nguyễn Thị Nguyệt, 2016). Nguyễn Thị Giang (2005) đã nghiên cứu đặc tính nông sinh học của một số dòng, giống ớt cay (thuộc loài *Capsicum annuum* L.) phục vụ phát triển vùng nguyên liệu chế biến xuất khẩu tại Thanh Hóa. Tác giả đã nghiên cứu đặc điểm sinh trưởng của các dòng, giống ớt mới có triển vọng đạt năng suất cao, phẩm chất tốt để phổ biến ngoài sản xuất và xác định ra thời điểm thu hoạch thích hợp nhất đối với từng dòng, giống đạt hiệu quả kinh tế cao (Nguyễn Thị Giang, 2005). Võ Thị Thanh Lộc và cs. (2015) đã đánh giá được thực trạng sản xuất và tiêu thụ tiêu thụ ớt tỉnh Đồng Tháp, phân tích được chuỗi giá trị ớt và đề xuất các giải pháp nâng cấp chuỗi giá trị ớt tỉnh Đồng Tháp.

Ớt A Riêu Mã Cooih là một trong những giống ớt địa phương nổi tiếng được trồng tại xã Mã Cooih, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam. Đây là sản phẩm ớt địa phương đã được xây dựng nhãn hiệu tập thể vào năm 2017 và đang được chính quyền xã cũng như các phòng ban chức năng huyện Đông Giang hết sức quan tâm xúc tiến thương mại. Hiện nay, diện tích ớt A Riêu được gieo trồng trên địa bàn xã Mã Cooih khoảng 3 hecta và đang được địa phương

đưa vào quy hoạch sản xuất khoảng 12 ha trong thời gian tới. Loại ớt này cũng đang được xem là một trong những sản phẩm tiềm năng của địa phương để đăng ký trong Chương trình quốc gia Một xã một sản phẩm (OCOP) ở Mà Cooih (UBND xã Mà Cooih, 2016).

Sản xuất ớt A Riêu đã và đang mang lại nguồn thu nhập quan trọng, góp phần xóa đói giảm nghèo cho các nông hộ ở Mà Cooih, nhất là các hộ dân tộc thiểu số có thu nhập thấp và cuộc sống đang gặp nhiều khó khăn. Tuy nhiên, thực trạng sản xuất ớt A Riêu vẫn chưa được mô tả một cách đầy đủ, đồng thời chưa có các đánh giá về thuận lợi và khó khăn trong quá trình sản xuất để làm cơ sở xây dựng các giải pháp kỹ thuật can thiệp, nâng cao hiệu quả sản xuất ớt ở địa phương. Vì vậy, nghiên cứu này nhằm phân tích thực trạng sản xuất và tiêu thụ ớt A Riêu trên địa bàn xã Mà Cooih và đánh giá một số khó khăn, thuận lợi trong sản xuất và tiêu thụ ớt A Riêu ở quy mô nông hộ.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp thu thập thông tin

Nghiên cứu tiến hành phỏng vấn tất cả các hộ trồng ớt A Riêu trên địa bàn xã Mà Cooih (50 hộ) để thu thập các thông tin liên quan đến thực trạng sản xuất, năng suất, sản lượng và đầu ra cho sản phẩm. Bên cạnh đó, phỏng vấn người am hiểu được tiến hành đối với cán bộ khuyến nông xã, cán bộ kỹ thuật của HTX nông nghiệp Mà Cooih để kiểm chứng các thông tin liên quan đến thực trạng sản xuất, thu thập ý kiến đánh giá về những thuận lợi, khó khăn trong sản xuất ớt A Riêu ở Mà Cooih hiện nay.

Ngoài ra, các thông tin thứ cấp liên quan đến tình hình kinh tế xã hội, hoạt động sản xuất ớt trên địa bàn xã cũng đã được thu thập thông qua các số liệu thống kê, các báo cáo của UBND xã và của HTX nông nghiệp Mà Cooih.

2.2. Phương pháp phân tích và xử lý số liệu

Các số liệu của nghiên cứu đã được tổng hợp và phân tích thông qua phần mềm SPSS. Các chỉ tiêu phân tích đã được mã hóa và xử lý theo giá trị trung bình (Mean), độ lệch chuẩn (Std.), tỷ lệ phần trăm (%) và đếm tần suất (Count).

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Đặc điểm kinh tế - xã hội của hộ trồng ớt A Riêu

Phân bố của hộ trồng ớt A Riêu nằm ở tất cả 5 thôn của xã (Bảng 1), trong đó nhiều nhất ở thôn A Zal (19 hộ), thôn Tà Rèng (13 hộ) và thôn A Xo (9 hộ). Đây là 3 thôn trước đây có diện tích ớt A Riêu mọc tự nhiên tương đối lớn và các hộ đã dần phát triển sang hình thức tự trồng thông qua lấy cây giống từ rừng. Từ việc học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau, hoạt động trồng ớt A Riêu đã được nhân rộng trên địa bàn 3 thôn này và sau đó phát triển sang các thôn khác trong xã.

Bảng 1. Phân bố của các hộ trồng ớt A Riêu trên địa bàn xã Mà Cooih

Thôn	Số lượng	Tỷ lệ (%)
A Zal	19	38,78
A Xo	9	18,37
A Bông	3	6,12
Tà Rèng	13	26,53
A Đen	5	10,20
Tổng	50	100,00

(Nguồn: Phỏng vấn thôn trưởng các thôn, 2017)

Nhìn chung, hộ tham gia trồng Ớt A Riêu tại Mả Cooih có độ tuổi trung bình tương đối thấp, khoảng 35,74 tuổi và trình độ học vấn của chủ hộ ở mức trung bình so với khu vực nông thôn (bình quân các chủ hộ học hết lớp 5). Kết quả bảng 2 cũng cho thấy, hầu hết chủ hộ của các hộ trồng Ớt đều là nam giới (chiếm 78%) và lao động chủ yếu của hộ là 2 vợ chồng do phần lớn các hộ khảo sát đều có con cái còn nhỏ.

Bảng 2. Đặc điểm chủ hộ và lực lượng lao động của hộ

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
Tuổi chủ hộ	Tuổi	35,74 ($\pm 7,01$)
Trình độ học vấn	Lớp	5,60 ($\pm 2,57$)
Dân tộc thiểu số	%	100,00
Giới tính chủ hộ		
- Nam	%	78,00
- Nữ	%	22,00
Số lao động trong gia đình	Người/hộ	1,80 ($\pm 0,40$)

(Nguồn: Phỏng vấn hộ, 2017)

Kết quả khảo sát cũng cho thấy, hầu hết các hộ trồng Ớt ở Mả Cooih đều thuộc nhóm hộ từ trung bình trở xuống, trong đó tỷ lệ hộ trung bình chiếm khoảng 48%, tiếp đến là hộ nghèo – chiếm 34% và hộ cận nghèo – chiếm 16% (Bảng 3). Nguyên nhân do Mả Cooih là một trong những xã nghèo (tỷ lệ hộ nghèo năm 2017 là 52,81%), hầu hết dân cư đều là người dân tộc thiểu số, đời sống kinh tế còn rất nhiều khó khăn và nhiều hộ còn phải nhận trợ cấp xã hội.

Bảng 3. Phân loại hộ của các hộ trồng Ớt A Riêu

Loại hộ	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Khá	1	2,00
Trung bình	24	48,00
Cận nghèo	8	16,00
Nghèo	17	34,00
Tổng	50	100,00

(Nguồn: Phỏng vấn hộ, 2017)

Bên cạnh điều kiện kinh tế khó khăn, các hộ trồng Ớt ở Mả Cooih đều ít có kinh nghiệm trong sản xuất, đặc biệt trong trồng Ớt. Hầu hết các hộ khảo sát đều chỉ có khoảng từ 1 đến 2 năm kinh nghiệm trồng Ớt (Bảng 4).

Bảng 4. Số năm kinh nghiệm trồng Ớt của các hộ

Số năm kinh nghiệm	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	29	58,00
2	14	28,00
3	5	10,00
4	2	4,00

(Nguồn: Phỏng vấn hộ, 2017)

Trên thực tế cây Ớt không phải là cây trồng mới ở vùng này nhưng do trước đây giống Ớt A Riêu mọc sẵn ngoài tự nhiên nên người dân chỉ việc thu hái mà không cần trồng. Việc trồng Ớt được đẩy mạnh khi HTX Nông nghiệp Mả Cooih và phòng NN&PTNT huyện Đông Giang hỗ trợ kỹ thuật, cung cấp giống, phân bón và tiêu thụ sản phẩm đầu ra cho nông dân ở đây từ cuối năm 2015 và đầu năm 2016.

3.2. Thực trạng sản xuất và tiêu thụ ớt của các hộ

3.2.1. Diện tích, năng suất, sản lượng và thu nhập từ ớt của hộ

Nhìn chung, diện tích đất trồng ớt A Riêu của hộ ở Mà Cooih còn tương đối thấp, trung bình khoảng 1,65 sào/hộ, diện tích này chỉ chiếm khoảng 23,58% trong cơ cấu diện tích đất nông nghiệp của hộ (Bảng 5). Với giá bán ớt ổn định, nguồn cung còn thiếu nên các hộ đang có định hướng tiếp tục mở rộng diện tích thông qua việc chuyển đổi một số diện tích đất trồng ngô và lúa rẫy sang trồng ớt A Riêu trong thời gian tới.

Bảng 5. Diện tích đất nông nghiệp và đất trồng ớt của hộ (sào)

Diện tích	Trung bình	Độ lệch chuẩn
Đất nông nghiệp	10,44	7,58
Đất trồng ớt	1,65	0,88
DT đất lâm nghiệp	5,48	5,01

(Nguồn: Phỏng vấn hộ, 2017)

Về năng suất, do quả ớt A Riêu có đặc điểm nhỏ và nhẹ, do đó năng suất giống ớt này tương đối thấp (chỉ khoảng 78 kg/sào) và độ dao động năng suất giữa các hộ tương đối lớn (khoảng 17,52 kg/sào) (Bảng 6).

Bảng 6. Năng suất, sản lượng và thu nhập từ ớt của hộ

Chỉ tiêu	Trung bình	Độ lệch chuẩn
Năng suất (kg/sào)	78,00	17,52
Sản lượng (kg)	151,00	42,45
Thu nhập (triệu đồng/hộ/năm)	28,23	8,13

(Nguồn: Phỏng vấn hộ, 2017)

Diện tích và năng suất ớt trung bình/hộ tương đối thấp do đó sản lượng ớt của các hộ trong năm 2017 cũng chỉ dao động trong khoảng từ 150 - 200 kg. Thu nhập bình quân từ bán ớt của hộ khoảng 28,23 triệu đồng/năm (\pm 8,13 triệu). Mức thu nhập này được tính trên phần khối lượng ớt được hộ bán cho HTX và các đối tượng thu mua khác với mức giá bình quân từ 180.000 - 200.000 đồng/kg.

3.2.2. Nguồn giống ớt A Riêu

Giống là nhân tố ảnh hưởng rất lớn đến quá trình phát triển sản xuất, bởi vì nó quyết định đến năng suất và chất lượng của ớt. Nguồn giống cho ớt A Riêu trồng ở Mà Cooih thể hiện ở bảng 7.

Bảng 7. Nguồn giống ớt A Riêu được sử dụng bởi các hộ

Nguồn gốc giống	Số lượng (hộ)	Tỷ lệ (%)
Tự để giống hoặc sử dụng giống tự nhiên	4	8,00
Mua ở trại giống của hợp tác xã	30	60,00
Tự để giống kết hợp mua từ hợp tác xã	16	32,00
Tổng	50	100,0

(Nguồn: Phỏng vấn hộ, 2018)

Kết quả từ Bảng 7 cho thấy, người dân chủ yếu mua giống ở trại giống của HTX nông nghiệp Mà Cooih, chiếm tỷ lệ 60% trong tổng số hộ khảo sát. Trong khi đó một số hộ khác để giảm chi phí cây giống đã kết hợp việc mua giống từ HTX và tự để giống (chiếm khoảng 32% số hộ) hoặc tự để giống, sử dụng cây giống mọc ngoài tự nhiên để trồng (khoảng 8% số hộ). Qua phỏng vấn sâu người am hiểu cho thấy, các giống cung cấp từ HTX

thường đảm bảo chất lượng hơn, do đó trong thời gian tới địa phương đang khuyến khích các hộ sử dụng giống do HTX ươm tạo để tiến đến sản xuất quy mô lớn và xây dựng nhãn hiệu cho sản phẩm ớt này.

3.2.3. Một số chi phí đầu vào cho sản xuất ớt A Riêu

Đầu vào cho sản xuất ớt ở Mà Coohi chủ yếu bao gồm giống và công làm đất và gieo trồng; công chăm sóc, làm cỏ và công thu hoạch. Chi phí trung bình cho 1 sào ớt A Riêu trung bình trong 1 năm của hộ trồng ớt được thể hiện ở Bảng 8.

Bảng 8. Chi phí đầu vào cho trồng ớt của hộ (sào/năm)

Yếu tố đầu vào	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (1.000 đồng)	Thành tiền (1.000 đồng)
Giống			183,20	183,20
Công làm đất và trồng	công	2,96	180,00	532,00
Phân bón	kg	0	0	0
Thuốc bảo vệ thực vật	chai	0	0	0
Công chăm sóc, làm cỏ	công	10,96	180,00	1.972,80
Công thu hoạch	công	14,54	180,00	2.617,20
Tổng chi phí				5.306,00

(Nguồn: Phỏng vấn hộ, 2017)

Kết quả Bảng 8 cho thấy, chi phí giống bình quân cho 1 sào ớt A Riêu khoảng 183,20 nghìn đồng. Nếu hộ tự ươm giống thì chi phí này thấp hơn, chủ yếu tính từ chi phí ớt quả sử dụng để lấy hạt cho ươm giống. Tuy nhiên, như đã đề cập ở trên, việc tự để giống hiện nay không được khuyến khích do đó hầu hết các hộ đều sẵn sàng bỏ ra chi phí để mua giống từ vườn ươm của HTX.

Đối với công lao động, khâu làm đất và trồng chiếm ít công lao động hơn so với 2 hoạt động còn lại. Trung bình mỗi hộ phải sử dụng khoảng gần 3 công lao động cho hoạt động làm đất và trồng, với giá ngày công lao động khoảng 180 nghìn đồng/ngày, chi phí cho hoạt động này ước tính khoảng 530 nghìn đồng. Trong khi đó, thu hoạch là hoạt động chiếm nhiều công lao động nhất (14,54 công) và tiếp đến là chăm sóc và làm cỏ (10,96 công), do đó, chi phí cho các hoạt động này cũng khá cao, lần lượt là 2,62 và 1,97 triệu đồng/sào.

Điểm đặc biệt trong trồng ớt A Riêu của các nông hộ ở Mà Coohi là 100% các hộ không sử dụng các loại phân bón hữu cơ và thuốc bảo vệ thực vật. Đặc điểm này một phần xuất phát từ tập quán sản xuất của các nông hộ đồng bào Cơ Tu, mặt khác từ định hướng của UBND xã Mà Coohi về việc sản xuất sản phẩm ớt theo tiêu chuẩn hữu cơ để nâng cao giá trị hàng hóa.

3.2.4. Tình hình tiếp cận và áp dụng kỹ thuật trồng ớt của hộ

Tiếp cận và áp dụng các tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp nói chung và trong trồng ớt nói riêng sẽ góp phần thay đổi tư duy và thói quen sản xuất của người nông dân, từ đó nâng cao năng suất và chất lượng cây trồng. Việc được tham gia các lớp tập huấn do phòng NN&PTNT huyện Đông Giang tổ chức trong những năm gần đây của các hộ trồng ớt A Riêu đã góp phần thay đổi tập quán sử dụng cây giống tự nhiên để trồng cũng như giúp các hộ biết chăm sóc cây ớt tốt hơn. Các kết quả khảo sát về tình hình tham gia các lớp tập huấn và áp dụng kỹ thuật tập huấn cũng như các nguồn cung cấp thông tin về tiến bộ kỹ thuật của hộ thể hiện ở Bảng 9.

Bảng 9. Tỷ lệ hộ tiếp cận và áp dụng kỹ thuật trồng ớt A Riêu ở Mã Cooih

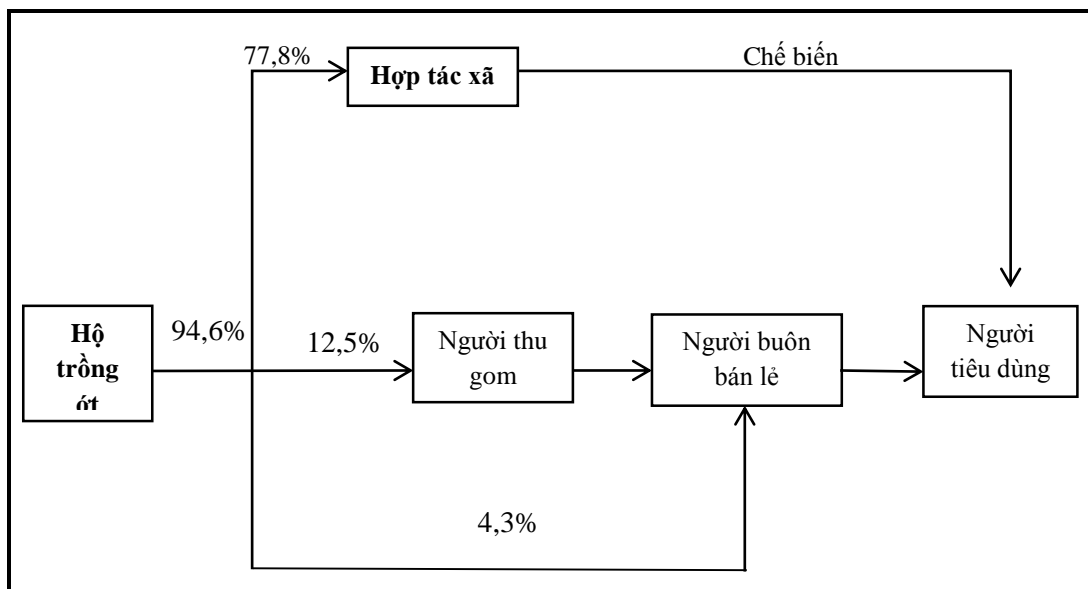
Đặc điểm	Số lượng (hộ)	Tỷ lệ (%)
Tham gia tập huấn		
Chưa được tập huấn	5	10,00
Được tập huấn 1 lần	32	64,00
Được tập huấn 2 lần	10	20,00
Được tập huấn > 2 lần	3	6,00
Tình hình áp dụng kiến thức tập huấn		
Có áp dụng	44	88,00
Không áp dụng	6	12,00
Các nguồn cung cấp kiến thức trồng ớt khác		
Cán bộ kỹ thuật	4	8,00
Hàng xóm	6	12,00
Từ cả 2 nguồn	40	80,00

(Nguồn: Phỏng vấn hộ, 2017)

Kết quả nghiên cứu cho thấy, hầu hết các hộ trồng ớt A Riêu đều được tập huấn ít nhất 1 lần về các kỹ thuật trồng, chăm sóc, thu hoạch và bảo quản ớt (90% số hộ được tập huấn từ 1 lần trở lên). Các hộ chưa được tập huấn (10%) hầu hết do mới tham gia trồng ớt từ đầu năm 2017 và các kiến thức, kinh nghiệm trồng ớt chủ yếu được học hỏi từ hàng xóm của họ. Nhìn chung, tỷ lệ hộ áp dụng các kỹ thuật sau khi được tập huấn tương đối cao, khoảng 88% hộ sau khi tập huấn về đã áp dụng một phần hoặc toàn bộ kiến thức đã học được. Bên cạnh các thông tin kỹ thuật có được từ các lớp tập huấn, các hộ còn tiếp cận các thông tin kỹ thuật từ hàng xóm và cán bộ, trong đó tỷ lệ hộ tiếp cận đồng thời từ 2 nguồn cán bộ kỹ thuật và hàng xóm chiếm tỷ lệ cao nhất (80%), các tiếp cận từ nguồn riêng lẻ chỉ chiếm 20% số hộ.

3.2.5. Thực trạng tiêu thụ ớt A Riêu của các nông hộ

Kết quả khảo sát cho thấy, khoảng 94,6% lượng ớt thu hoạch được các hộ đem bán ớt tươi để tạo nguồn thu cho gia đình, phần còn lại được sử dụng cho tiêu dùng trong gia đình và để làm giống. Tỷ lệ phân phối lượng ớt đã được bán của hộ thể hiện theo Sơ đồ 1.



Sơ đồ 1. Kênh phân phối sản phẩm ớt A Riêu tại Mã Cooih

(Nguồn: Phỏng vấn hộ và phỏng vấn người am hiểu, 2017)

Hầu hết lượng ớt tươi sau thu hoạch đều được bán cho HTX Nông nghiệp Mà Cooih (khoảng 77,8%) vì đây là đơn vị có mối liên hệ trực tiếp trong việc cung cấp đầu vào cho các hộ. Đồng thời từ năm 2016 HTX này đã hình thành cơ sở chế biến ớt muối, do đó đã tập trung thu mua ớt từ các nông hộ để chế biến và bán ra thị trường.

Bên cạnh kênh tiêu thụ thông qua HTX, một số hộ đã bán ớt cho những người thu gom trong và ngoài địa phương trước khi đối tượng này bán cho người bán lẻ (khoảng 15,5% tổng lượng ớt) hoặc hộ bán trực tiếp cho người bán lẻ (khoảng 4,3%). Các hộ bán ra ngoài thay vì bán cho HTX xảy ra khi giá ớt thị trường bên ngoài cao hơn hoặc khi lượng ớt thu hái ít, không có thời gian để mang đến bán cho HTX.

Nhìn chung, chuỗi phân phối sản phẩm ớt A Riêu vẫn còn khá đơn giản và thị trường tiêu thụ ớt tươi chủ yếu qua HTX và một số đối tượng thu gom và bán lẻ.

3.3. Một số thuận lợi, khó khăn trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm ớt A Riêu tại Mà Cooih

3.3.1. Thuận lợi

Theo đánh giá của các hộ, sản xuất ớt A Riêu rất thuận lợi do cây ớt A Riêu từng mọc trong môi trường tự nhiên với khả năng chống chịu với điều kiện bất lợi tốt và không đòi hỏi khắt khe về điều kiện chăm sóc, phân bón. Ngoài ra, cây ớt A Riêu dường như chỉ phù hợp với điều kiện đất đai và thổ nhưỡng ở Mà Cooih, đưa đi nơi khác trồng ớt vẫn phát triển bình thường nhưng quả to hơn và không còn hương vị đặc trưng. Đây chính là lợi thế để người dân Mà Cooih xây dựng thương hiệu riêng cho sản phẩm ớt địa phương này.

Trong những năm gần đây phòng NN&PTNT huyện Đông Giang, UBND xã Mà Cooih cũng như HTX Nông nghiệp Mà Cooih đã có rất nhiều các hoạt động như: tập huấn kỹ thuật, hỗ trợ đầu vào và bao tiêu đầu ra cho các nông hộ, do đó các hộ trồng ớt đều thấy yên tâm đầu tư mở rộng quy mô sản xuất. Bên cạnh đó, giá ớt cao và ổn định (khoảng trên 180 nghìn đồng/kg) đã mang lại nguồn thu nhập ổn định cho các nông hộ, góp phần xóa đói giảm nghèo cho nhiều hộ gia đình trong những năm trở lại đây. Hiện nay, HTX Mà Cooih dưới sự hỗ trợ của phòng NN & PTNT huyện Đông Giang đã xây dựng được nhãn hiệu tập thể ớt A Riêu Đông Giang, đồng thời HTX đã tiến hành giới thiệu các sản phẩm ớt muối đến thị trường Đà Nẵng, Tam Kỳ và một số địa phương khác trong tỉnh. Đây là những điều kiện thuận lợi để phát triển sản phẩm ớt A Riêu hàng hóa với giá trị kinh tế cao hơn trong thời gian tới.

3.3.2. Khó khăn

Bên cạnh các thuận lợi, một số khó khăn cũng đã được các hộ và cán bộ địa phương đề cập đến trong quá trình sản xuất và tiêu thụ ớt A Riêu ở Mà Cooih. Cụ thể:

Trước hết, mặc dù ớt A Riêu là cây trồng được nhân giống từ cây tự nhiên, tuy nhiên cây ớt non sau khi trồng vẫn bị các loại sâu, ốc sên và dế cắn phá. Ớt A Riêu được trồng theo tiêu chuẩn hoàn toàn không sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, do đó nông dân phải tốn khá nhiều công cho việc bắt sâu và các loài côn trùng phá hoại. Bên cạnh đó, việc thu hoạch ớt chủ yếu bằng tay, quả ớt A Riêu nhỏ nên khá tiêu tốn thời gian cho khâu thu hoạch. Nếu mở rộng quy mô diện tích, các hộ đòi hỏi phải có nhiều lao động cho khâu thu hái, chi phí lao động vì vậy cũng tăng lên.

Tiếp đến, quy mô sản xuất ớt A Riêu vẫn còn nhỏ lẻ và phân tán trên diện rộng, do vậy chưa tạo ra được nguồn cung cấp đầu ra ổn định với khối lượng đảm bảo để HTX có thể cung ứng cho khách hàng và một số đối tác quan trọng như hệ thống siêu thị, các chợ trung tâm trên địa bàn tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng.

Cuối cùng, giá bán của ớt A Riêu ở thời điểm hiện tại cao hơn hẳn so với các loại ớt truyền thống một mặt nhờ giá trị hương vị đặc biệt của nó, mặt khác do lượng ớt sản xuất ra còn ít. Trong tương lai, khi quy mô diện tích được mở rộng, lượng cung vượt cầu và đặc biệt với sự cạnh tranh của nhiều sản phẩm ớt khác trên cùng địa bàn tỉnh Quảng Nam như ớt Xiêm Rừng, ớt chỉ thiên... thì vấn đề tiêu thụ ớt A Riêu sẽ đặt ra những thách thức không hề nhỏ. Đây cũng là khó khăn đang được lãnh đạo UBND xã quan tâm và đề cập đến.

4. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

4.1. Kết luận

Qua kết quả nghiên cứu cho thấy:

Các hộ trồng ớt A Riêu hầu hết chỉ bắt đầu từ năm 2016, vì vậy diện tích ớt bình quân/hộ tương đối thấp (khoảng 1,65 sào), năng suất ớt đạt khoảng 78 kg/sào/năm. Tuy năng suất không cao nhưng do giá bán cao hơn hẳn so với các loại ớt truyền thống và ổn định, do đó mỗi hộ trồng ớt A Riêu trung bình mỗi năm thu được khoảng 28,23 triệu đồng, mức thu nhập cao hơn nhiều lần so với trước đây.

Về nguồn giống ớt, trên 90% các hộ mua từ trại giống của HTX nông nghiệp Mà Cooih hoặc kết hợp vừa mua từ trại giống vừa tự đẻ giống. Chi phí về giống là nguồn chi phí đầu tư trực tiếp duy nhất cho trồng ớt của hộ (khoảng hơn 180.000 đồng/sào), hộ không phải tốn các loại chi phí như phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, ...

Về lao động trồng ớt, bình quân mỗi hộ cần đến 2 lao động thường xuyên cho việc chăm sóc và thu hái ớt. Mỗi năm bình quân mỗi hộ cần đến 25 công lao động, với chi phí công lao động ước tính khoảng 4,5 triệu đồng.

Hầu hết các hộ đều được tập huấn kỹ thuật trồng ớt A Riêu hoặc tiếp cận các nguồn cung cấp thông tin về kỹ thuật trồng ớt tại các hộ hàng xóm hoặc từ cán bộ HTX nông nghiệp Mà Cooih và cán bộ khuyến nông xã. Khoảng 88% số hộ được phỏng vấn cho rằng họ đã áp dụng các kỹ thuật đã học được vào sản xuất.

Ớt A Riêu sau khi thu hoạch chủ yếu được bán cho HTX nông nghiệp Mà Cooih (chiếm khoảng 77,8% lượng ớt được bán) để đơn vị này chế biến thành ớt muối bán ra thị trường, phần còn lại được bán cho những người thu gom trong và ngoài địa phương (12,5%) và người bán lẻ (4,3%).

Bước đầu phát triển cây ớt A Riêu ở Mà Cooih gặp khá nhiều thuận lợi do đây là giống ớt dễ trồng và nhân giống, đồng thời giá ớt thương phẩm cao (từ 180.000 đồng/kg trở lên) nên đã tạo động lực cho các hộ tập trung sản xuất bên cạnh sự hỗ trợ tích cực từ các đối tác bên ngoài. Tuy nhiên, hoạt động sản xuất và tiêu thụ ớt A Riêu cũng đang gặp một số khó khăn nhất định liên quan đến sâu và côn trùng hại, hay vấn đề quy mô sản xuất nhỏ lẻ, phân tán nên chưa tạo ra được nguồn cung ổn định ra thị trường...

4.2. Kiến nghị

Ớt A Riêu là một sản phẩm đặc trưng của địa phương và thị trường tiêu thụ vẫn còn nhiều tiềm năng, do đó người dân cần tiếp tục đầu tư mở rộng quy mô trồng, đồng thời tuân thủ các quy định về sản xuất sản phẩm sạch (không sử dụng phân bón hóa học và thuốc trừ sâu).

Chính quyền địa phương bên cạnh hỗ trợ cho người dân phát triển sản xuất ớt cần có định hướng quy hoạch với quy mô diện tích hợp lý để duy trì lượng ớt cung ứng ra thị trường, tránh tình trạng cung vượt cầu dẫn đến rớt giá. Bên cạnh đó, HTX nông nghiệp Mà Cooih cần tiếp tục tìm kiếm thị trường đầu ra cho sản phẩm ớt muối, đa dạng hóa các sản phẩm và tiến hành đăng ký các sản phẩm thương mại từ ớt A Riêu để từng bước xây dựng và củng cố thương hiệu cho sản phẩm này.

Các cơ quan chuyên môn, các trường Đại học Nông nghiệp cần phối hợp và tiến hành các nghiên cứu bảo tồn nguồn gen ớt A Riêu để lưu giữ những phẩm chất quý hiếm của giống ớt này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tài liệu tiếng Việt

- Nguyễn Thị Bích Hồng. (2008). Lợi ích của mối liên kết tiêu thụ sản phẩm thông qua hợp đồng. *Nội san Kinh tế số tháng 3-2008*.
- Nguyễn Thị Giang. (2005). Nghiên cứu đặc tính nông sinh học của một số dòng, giống ớt cay (*Capsicum annuum* L.) phục vụ phát triển vùng nguyên liệu chế biến xuất khẩu tại Thanh Hóa. *Luận văn thạc sĩ*. Học viện Nông nghiệp Việt Nam.
- Nguyễn Thị Nguyệt. (2016). Nghiên cứu liên kết trong sản xuất và tiêu thụ ớt tại xã Liên Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa. *Khóa luận tốt nghiệp*. Học viện Nông nghiệp Việt Nam.
- Nguyễn Thị Thu An, & Võ Thị Thanh Lộc. (2017). Phân tích hiệu quả tài chính của nông hộ trồng ớt vùng Đồng bằng sông Cửu Long. *Tạp chí trường Đại học Cần Thơ*, 48, 87-95.
- UBND xã Mà Cooih. (2016). *Báo cáo tình hình kinh tế-xã hội của xã Mà Cooih (2013-2106)*. UBND xã Mà Cooih.
- Võ Thị Thanh Lộc, Nguyễn Phú Sơn, Lâm Huôn, Trương Hồng Võ Tuấn Kiệt, Lê Trường Giang, Nguyễn Thị Thu An, & Huỳnh Hữu Thọ. (2015). Phân tích chuỗi giá trị ớt Đồng Tháp. *Tạp chí trường Đại học Cần Thơ*, 38, 107-119.

2. Tài liệu tiếng nước ngoài

- Vincent E. Rubatzky, & Mas Yamaguchi. (1986). *World Vegetable (Pepper, Capsicum annuum, L.C. frutescent, L., and other Capsicum species)*. USA: Springer science & business media.

ASSESSING CURRENT PRODUCTION AND CONSUMPTION OF ARIEU CHILLY IN MA COOIH COMMUNE, DONG GIANG DISTRICT, QUANG NAM PROVINCE

Nguyen Van Duc*, Tran Cao Uy, Dinh Chi Thanh, Duong Van Hau,
Chau Vo Trung Thong, Pham Thi Kim Lien
University of Agriculture and Forestry, Hue University

*Contact email: nguyenvanduc@huaf.edu.vn

ABSTRACT

The study analyses current status of producing and consuming Arieu chilly in Ma Cooih mountainous commune, Dong Giang District, Quang Nam Province. The researchers interviewed 50 households farming Arieu chilly and 2 local experts on advantages and disadvantages in producing and consuming Arieu chilly as well as collected secondary data relating production and consumption of Arieu chilly. The findings indicate that average area of Arieu chilly per households is low, around 0.0825hecta/hh. In 2017, the price of Arieu chilly is from VND 180,000 to 200,000 per kilogram while the yield for harvest is about 1,560 kg/ha. So the average income per household in 2017 is about 28.23 million. The input costs are mainly seedlings (about VND 3,600,000 per hecta), and labor (land preparation, caring and harvesting). During production of Arieu chilly, households do not use fertilisers and plant protection chemicals. After harvesting, 77.8 percent of Arieu chilly are sold to Ma Cooih Cooperative on Agriculture and Forestry and the remainder is sold to other consumers (12.5 percent for collectors and 4.3 percent for retailers). Besides these, production of Arieu chilly face difficulties such as: insects and pests, diseases, small-scale and fragmented production and unstable supplies in the market. Therefore, it is necessary to increase reasonably scale of Arieu chilly production, promote multiple products marketing and develop output market steady.

Key words: Arieu, Ma Cooih, Arieu chilly production, consuming, production status

Received: 18th April 2018

Reviewed: 20th May 2018

Accepted: 30th May 2018